New words	*Transcription*		Meaning
	/eidʤ/	(n)	độ tuổi
	/ˈbroukən/	(adj)	bị hỏng, bị vỡ
	/tʃɔɪs/	(n)	sự chọn lựa
	/du: ðə diʃiz/	(v)	rửa bát đĩa
	/du: ðə ˈwɔʃiŋ/	(v)	giặt quần áo
	/ˈdɒktər ˈrəʊbɒt/	(n)	người máy khám bệnh
	/ˈfi:liŋ/	(n)	cảm xúc
	/ˈga:dnɪŋ/	(n)	công việc làm vườn
	/ga:d/	(v)	canh giữ, canh gác
	/hait/	(n)	chiều cao
	/hedʒ/	(n)	hàng rào, bờ giậu
	/ˈlɔ:ndri/	(n)	quần áo cần phải giặt
	/lɪft/	(v)	nâng lên, nhấc lên, giơ lên
	/ˈmaɪnə/	(adj)	nhỏ, không quan trọng
	/əˈpɪn.jən/	(n)	ý kiến, quan điểm
	/ˈplænɪt/	(n)	hành tinh
	/ˈrek.əg.naɪz/	(v)	nhận ra
	/ˈrəʊ.bɒt/	(n)	người máy
	/rəʊl/	(n)	vai trò
	/speɪs ˈsteɪʃən/	(n)	trạm vũ trụ

LIVEWORKSHEETS

	/taɪp/	(n)	kiểu, loại
	/ˈtiːtʃɪŋ ˈrəʊbɒt/	(n)	người máy dạy học
	/ˈwɔːtə(r)/	(n)	nước
	/ˈweit/	(n)	trọng lượng
	/ˈwɜːrkər ˈrəʊbɒt/	(n)	người máy công nhân

LIVEWORKSHEETS